**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2**

**Họ tên HS:…………………………Lớp……………..**

Câu 1: Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở ĐNB là:

A. Đất xám và đất phù sa B. Đất badan và đất feralit

C. Đất phù sa và đất feralit D. Đất badan và đất xám

Câu 2: Khó khăn của ĐNB đối với phát triển kinh tế là :

A. chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển (TP HCM và Bà Rịa – Vũng Tàu)

B. đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường

C. ít khoáng sản, rừng và tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường

D. tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái

Câu 3: Đặc điểm không đúng với vùng Đông Nam bộ là :

A. dân cư đông đúc, mật độ dân số khá cao

B. thị trường tiêu thụ hạn chế do đời sống nhân dân ở mức thấp

C. lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

D. có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước

Câu 4 : Trong cơ cấu GDP của ĐNB, chiếm tỉ trọng lớn nhất là khu vực:

A. nông, lâm, ngư nghiệp B. dịch vụ

C. công nghiệp - xây dựng D. dầu khí

Câu 5. Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở ĐNB là:

A. chè B. cà phê C. cao su D. hồ tiêu

Câu 6. Trung tâm du lịch lớn nhất của ĐNB và cả nước là:

A. Vũng Tàu B. TP Hồ Chí Minh C. Đà Lạt D. Nha Trang

Câu 7: Là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, ĐBSCL có diện tích khoảng

A. 20 000 km2 B. 30 000 km2

C. 40 000 km2 D. 50 000 km2

Câu 8: Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở ĐBSCL là

A. đất phèn B. đất mặn

C. đất phù sa ngọt D. đất cát ven biển

Câu 9 : Vào mùa khô, khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở ĐBSCL là :

A. xâm nhập mặn B. cháy rừng.

C. triều cường. D. thiếu nước ngọt

**Câu 10:**  Nền kinh tế của Đông Nam Bộ phát triển nhanh **không phải** dựa vào lí do:

A. là trung tâm kinh tế phía Nam

B. gần nhiều vùng giàu tiềm năng

C. gần trung tâm các nước Đông Nam Á

D. nền nông nghiệp tiên tiến nhất.

Câu 11: Các dân tộc ít người sinh sống ở ĐBSCL là:

A. Tày, Nùng, Thái B. Gia Rai, Ê Đê, Ba Na

C. Khơ me, Chăm, Hoa D. Giáy, Dao, Mông

Câu 12: So với các vùng khác, đặc điểm không phải của ĐBSCL là

A. năng suất lúa cao nhất cả nước

B. diện tích và sản lượng lúa cả năm cao nhất.

C. bình quân lương thực theo đầu người cao nhất

D. là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước.

Câu 13. Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp ở ĐBSCL, chiếm tỉ trọng lớn nhất là ngành

A. sản xuất vât liệu xây dựng

B. sản xuất hàng tiêu dùng

C. công nghiệp cơ khí

D. công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.

Câu 14. Hàng xuất khẩu chủ lực của vùng ĐBSCL là:

A. gạo, xi măng, vật liệu xây dựng B. gạo, hàng may mặc, nông sản

C. gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả D. gạo, hàng tiêu dung, hàng thủ công

Câu 15. Trung tâm kinh tế lớn nhất ở ĐBSCL là

A. Thành phố Cần Thơ B. Thành phố Cà Mau

C. Thành phố Mĩ Tho D. Thành phố Cao Lãnh

Câu 16. Đông Nam Bộ *không* tiếp giáp với vùng kinh tế nào dưới đây?

A. Tây Nguyên

B. Đồng bằng sông Cửu Long

C. Duyên hải Nam Trung Bộ

D. Đồng bằng sông Hồng

Câu 17: Đảo nào dưới đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

A. Phú Quốc B. Cát Bà

C. Côn Đảo D. Thổ Chu

**Câu 18:**Mặt hàng **không** phải xuất khẩu hàng đầu của Đông Nam Bộ là:

A. dầu thô

B. thực phẩm chế biến

C. than đá

D. hàng nông sản

Câu 19: Các ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển ở Đông Nam Bộ là:

A. dệt - may, da- giầy, gốm sứ

B. dầu khí, phân bón, năng lượng

C. chế biến lương thực- thực phẩm, cơ khí

D. dầu khí, điện tử, công nghệ cao

Câu 20: Ngành công nghiệp có vai trò quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ hiện nay là

A. công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

B. công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm

C. công nghiệp dệt may

D. công nghiệp khai thác dầu khí

Câu 21: Vùng nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp nước ta hiện nay?  
A. Đông Nam Bộ B. Đồng bằng Sông Cửu Long  
C. Duyên hải Nam Trung Bộ D. Đồng bằng Sông Hồng

**Câu 22**: Những điều kiện thuận lợi  để Đông Nam Bộ phát triển  các ngành dịch vụ là:

A. cơ sở hạ tầng tương đối hiện đại và hoàn thiện

B. có nhiều di sản thế giới

C. có nhiều tài nguyên khoáng sản, nguồn lao động dồi dào

D. vị trí thuận lợi, kinh tế phát triển mạnh, nhiều đô thị lớn đông dân.

Câu 23: Nhà máy thủy điện Trị An nằm trên sông nào?

A. Sông Đồng Nai B. Sông Bé

C. Sông Sài Gòn D. Sông Vàm Cỏ

Câu 24: Vùng đồng bằng Sông Cửu Long có khí hậu?

A. Ôn hòa B. Nhiệt đới

C. Xích đạo D. Cận xích đạo.

Câu 25: Đồng bằng sông Cửu Long **không** tiếp giáp với :

A. Tây Nguyên B. Đông Nam Bộ

C. Căm-pu-chia D. Vịnh Thái Lan

Câu 26 : Phương hướng hiện nay để giải quyết vấn đề lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long là :

A.tránh lũ B. xây dựng đê bao

C.trồng rừng D. sống chung với lũ

Câu 27: Dựa vào bảng số liệu cho biết năm 2002 sản lượng thủy sản ở ĐBSCL chiếm bao nhiêu % cả nước?

*Sản lượng thuỷ sản ở ĐBSCL (nghìn tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | 1995 | 2000 | 2002 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 819,2 | 1169,1 | 1354,5 |
| Cả nước | 1584,4 | 2250,5 | 2647,4 |

A. 50,2% B. 51,2% C. 53,2% D. 54,2%

Câu 28: Thế mạnh du lịch không phải ở đồng bằng sông Cửu Long là:

A. du lịch miệt vườn

B. du lịch sông nước

C. du lịch sinh thái

D. du lịch nhân văn

Câu 29: Thế mạnh của ngành dịch vụ ở đồng bằng Sông Cửu Long là:

A. bưu chính viễn thông, du lịch

B. thương mại, giao thông vận tải

C. du lịch, xây dựng

D. xuất nhập khẩu, du lịch, vận tải thủy

Câu 30: Nguồn tài nguyên tự nhiên có giá trị thiết thực phục vụ cho đời sống và sản xuất hàng ngày của đồng bằng sông Cưủ Long là:

A. đá vôi, than bùn

B. các loài bò sát và chim

C. thủy sản nước ngọt và nước lợ

D. rừng ngập mặn